

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Danh mục bổ sung dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 409/QĐ-BNN-VP ngày 25 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn có đủ điều kiện thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình;

Căn cứ Quyết định số 2971/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Danh mục dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần của các cơ quan Nhà nước tỉnh Thanh Hóa năm 2023;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 102/TTr-SNN&PTNT ngày 06 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung 23 dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hoá (Có Danh mục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh cập nhật, xây dựng quy trình điện tử, biểu mẫu tương tác các dịch vụ công trực tuyến lên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông bảo đảm kỹ thuật, an toàn thông tin cho Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã rà soát các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, giải quyết của cơ quan, đơn vị, bảo đảm việc triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến hiệu quả và đạt chỉ tiêu được giao; phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tái cấu trúc quy trình điện tử để phù hợp với yêu cầu dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (để b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CNTT, KSTTHCNC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Thi

**DANH MỤC BỔ SUNG DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH THANH HÓA**
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC)	Cấp thực hiện	Yêu cầu trực tuyến và thực hiện tái cấu trúc quy trình	Ghi chú
I. Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường				
1	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành. (1.009478.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
2	Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích. (1.008838.000.00.00.H56)	Cấp xã	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	
II. Lĩnh vực Nông nghiệp				
3	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. (1.003388.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
4	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. (1.003371.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
III. Lĩnh vực Quản lý Chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản				

5	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuộm thể hai mảnh vò. (2.001838.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	
IV. Lĩnh vực Thú y				
6	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y. (1.004022.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
7	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh). (1.011477.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
8	Cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (cấp tỉnh). (1.011479.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
V. Lĩnh vực Thủy lợi				
9	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (2.001795.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
10	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới,	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy	Chuyển từ một phần lên

	trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của UBND tỉnh. (2.001793.000.00.00.H56)		trực tiếp hoặc qua bưu chính.	toàn trình
11	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (1.004385.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
12	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (1.003921.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
13	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (1.003893.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
14	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình

	lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh. (2.001401.000.00.00.H56)			
VI. Lĩnh vực Thủy sản				
15	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực. (1.004692.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
16	Cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trong phạm vi 06 hải lý). (1.004684.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; xin ý kiến cơ quan quản lý nhà nước về tài nguyên môi trường, đơn vị có liên quan; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
17	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá. (1.003586.000.00.00.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
VII. Lĩnh vực Trồng trọt				
18	Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng. (1.012004.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
19	Thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng theo	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện	Chuyển từ một phần lên

	yêu cầu của tổ chức, cá nhân. (1.012000.H56)		tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	toàn trình
20	Thu hồi Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân. (1.011999.H56)	Cấp tỉnh	Nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
21	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa. (1.008004.000.00.00.H56)	Cấp xã	Nộp hồ sơ trực tuyến; thanh toán trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (sao y bản giấy sang bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
VIII. Lĩnh vực Phòng, Chống thiên tai				
22	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội. (1.010091.000.00.00.H56)	Cấp xã	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình
23	Trợ cấp tiên tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội. (1.010092.000.00.00.H56)	Cấp xã	Nộp hồ sơ trực tuyến; trả kết quả trực tuyến (kết quả ký số bản điện tử) hoặc trả bản giấy trực tiếp hoặc qua bưu chính.	Chuyển từ một phần lên toàn trình